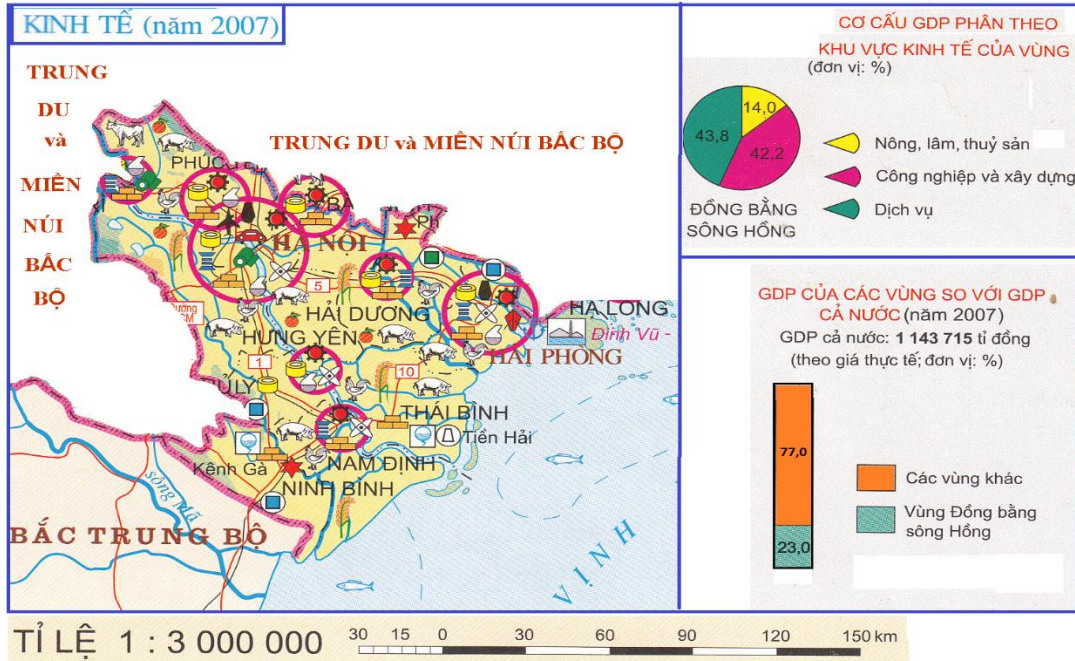


BÀI 33: VẤN ĐỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

- + Diện tích: 15 nghìn km² .
- + Dân số: đông 18,2 triệu người (năm 2006)
- + Có 10 tỉnh, thành (Atlas)

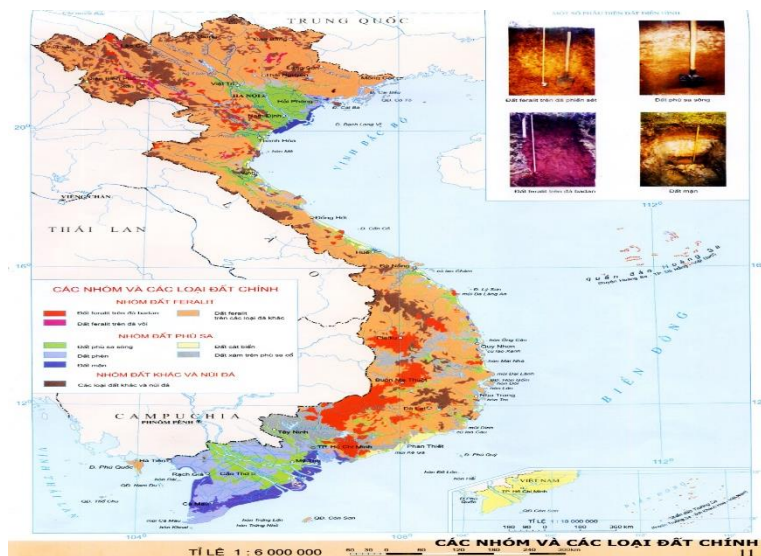


I. CÁC THỂ MẠNH CHỦ YẾU CỦA VÙNG:

1. Vị trí địa lý: Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm, giáp Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và giáp biển Đông thuận lợi giao lưu và phát triển kinh tế.

2. Tài nguyên thiên nhiên:

- *Đất phù sa* có độ phì cao, thuận lợi phát triển nông nghiệp.



- *Nguồn nước* hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình phong phú. Ngoài ra còn có nước khoáng, nước nóng ở Thái Bình, Ninh Bình, Hải Phòng.

- *Bờ biển* dài 400km, có điều kiện nuôi trồng thủy sản, làm muối, phát triển giao thông vận tải biển và du lịch. *Khoáng sản* có đá vôi, sét, cao lanh, than nâu, khí tự nhiên ở Thái Bình.

3. Điều kiện kinh tế - xã hội:

- *Lao động* dồi dào có kinh nghiệm, chất lượng, tập trung ở các đô thị.
- *Cơ sở hạ tầng*: tốt (giao thông, điện, nước ...)



- *Cơ sở vật chất kỹ thuật*: tương đối tốt.
- Có chính sách thu hút đầu tư, có lịch sử khai thác lâu đời, đô thị khá phát triển.

II. CÁC HẠN CHẾ CHỦ YẾU CỦA VÙNG:

- + Dân đông nhất nước, mật độ cao 1.225 người / km² (năm 2006) gấp 4,8 lần mật độ cả nước.
- + Thiên tai: Bão, lũ, hạn gây thiệt hại cho mùa màng, sinh vật.
- + Một số tài nguyên bị suy thoái do khai thác quá mức (đất, nước...).
- + Thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp.
- + Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.



III. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH VÀ CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH:

1. Thực trạng: Sự chuyển dịch cơ cấu theo ngành có chiều hướng tích cực nhưng còn chậm. Tỷ trọng Nông nghiệp giảm nhanh, công nghiệp và dịch vụ tăng tỷ trọng.

2. Các định hướng chính:

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế có vai trò quan trọng.

- Xu hướng chung là giảm tỷ trọng khu vực I, tăng khu vực II và III.

- Phát triển và hiện đại hóa công nghiệp chế biến, phát triển nền nông nghiệp hàng hóa

***Khu vực I:** Giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi và thủy sản.

Trong ngành trồng trọt, giảm tỷ trọng cây lương thực, tăng tỷ trọng cây công nghiệp, cây ăn quả.

***Khu vực II:** Hình thành các ngành CN trọng điểm để sử dụng có hiệu quả các thế mạnh về tự nhiên, nhân lực của vùng. Các ngành chế biến lương thực thực phẩm, dệt - may, da - giày, vật liệu xây dựng, cơ khí - kỹ thuật điện - điện tử.

***Khu vực III:** Phát triển du lịch, tài chính, ngân hàng, giáo dục - y tế ...

BÀI 35: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở BẮC TRUNG BỘ

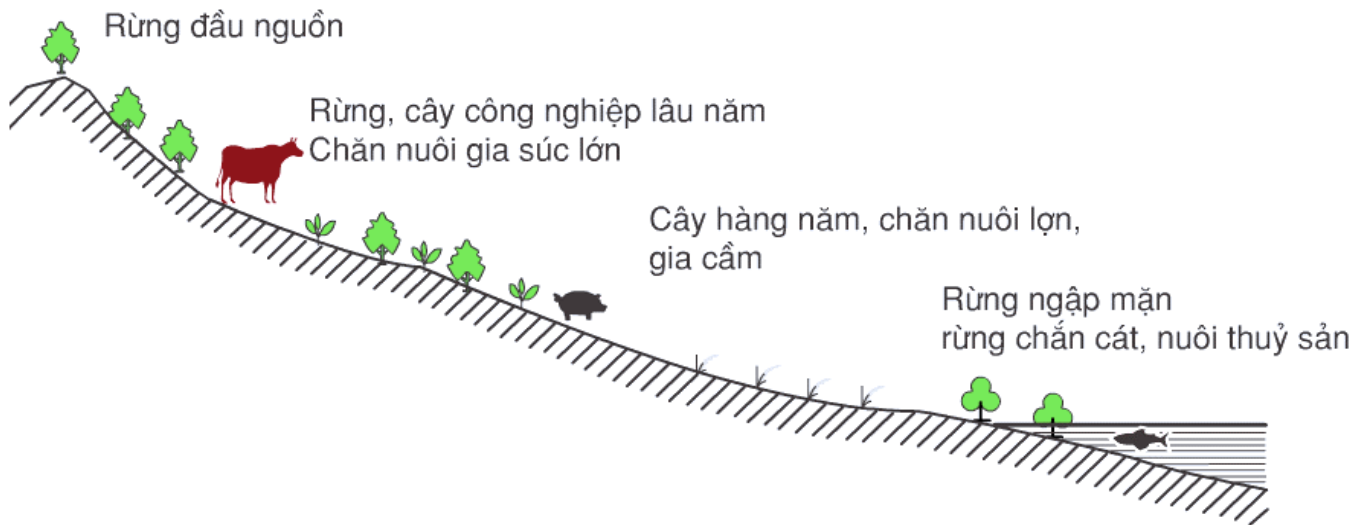
I. KHÁI QUÁT CHUNG:

- Diện tích: 51,5 nghìn km². Dân số > 10 triệu người (2006).
- Gồm 6 tỉnh. (Atlas)
- Dãy Bạch Mã là ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

II. HÌNH THÀNH CƠ CẤU NÔNG - LÂM - NGƯ NGHIỆP:

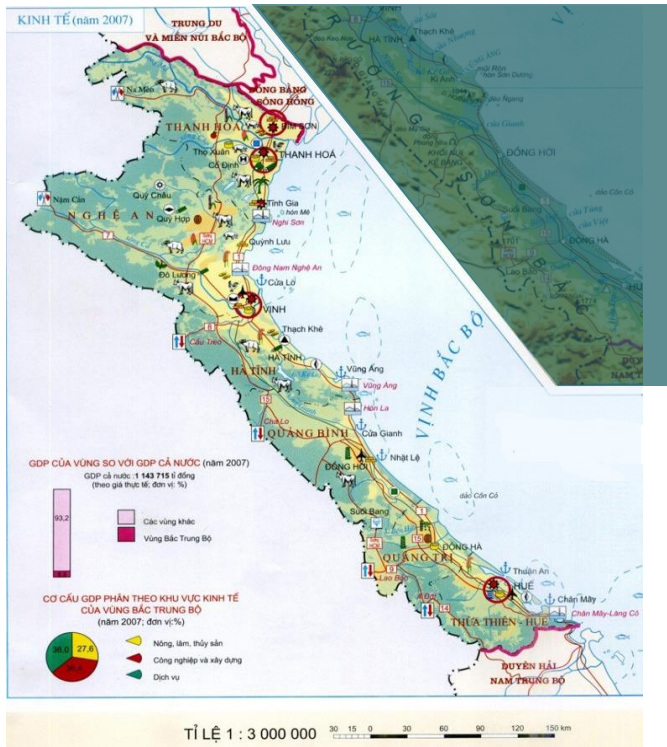
Có ý nghĩa lớn đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế chung của vùng, vì:

- Góp phần tạo ra cơ cấu ngành và thể liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian.
- Việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay cần sự góp phần nông – lâm – ngư nghiệp.



1. Thế mạnh về lâm nghiệp:

- Diện tích rừng chiếm 20% diện tích rừng cả nước (2,46 triệu ha). Độ che phủ rừng là 47,8% (năm 2006) sau Tây Nguyên. Có nhiều lâm sản có giá trị: gỗ quý: (lim, sến, kiền kiền, ...), chim thú quý.
- Nay rừng giàu chỉ còn ở biên giới Việt – Lào (Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình) chủ yếu diện tích là rừng phòng hộ, là rừng đặc dụng.
- Việc bảo vệ rừng và trồng rừng không chỉ giúp bảo vệ môi trường sống của động vật hoang dã, giữ gìn nguồn gen động thực vật quý hiếm, mà còn có tác dụng điều hòa nguồn nước, hạn chế lũ lụt. Ven biển rừng có tác dụng chắn gió, bão, ngăn cát lấn đồng ruộng ...



2. Thế mạnh về nông nghiệp:

- Vùng đồi trước núi có thế mạnh về chăn nuôi đại gia súc. (trâu 1/4 cả nước, bò 1/5 cả nước), ngoài ra còn trồng cây công nghiệp lâu năm, nhất là trên đất đỏ badan ở Tây Nghệ An (chè, cà phê), Quảng Bình, Quảng Trị (cao su, hồ tiêu, cà phê)
- Vùng đồng bằng có đất cát pha, phát triển cây hàng năm: mía, lạc, thuốc lá, việc hình thành các vùng chuyên canh đã làm tăng năng suất lúa bình quân có tăng đạt 348 kg/ người - năm 2005).



3. Phát triển ngư nghiệp:

- + Các tỉnh đều phát triển nghề cá nhất là Nghệ An, chủ yếu ở gần bờ (do phương tiện thô sơ). Nay nuôi thủy sản nước lợ, nước mặn đang phát triển khá mạnh làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển.

III. HÌNH THÀNH CƠ CẤU CÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG GIAO THÔNG:

1. Phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm và các TTCN chuyên môn hóa:

- Thuận lợi:** Công nghiệp của vùng phát triển trên cơ sở tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn, nguồn nguyên liệu về nông lâm thủy sản dồi dào, nguồn lao động đông, giá rẻ.
- Khó khăn:** Hạn chế về kỹ thuật, vốn nên cơ cấu công nghiệp còn yếu.

c. Tình hình phát triển:

- Có một số nhà máy xi măng lớn như Bỉm Sơn, Nghi Sơn (Thanh Hóa) Hoàng Mai (Nghệ An)
- Năng lượng (điện) là một ưu tiên trong phát triển công nghiệp của vùng. Ngoài điện lưới quốc gia, vùng đang xây dựng một số nhà máy thủy điện: như Bản Vẽ trên sông Cả (Nghệ An), Cửa Đạt trên sông Chu (Thanh Hóa), Rào Quán trên sông Rào Quán (Quảng Trị).
- *Các trung tâm công nghiệp:* Thanh Hóa – Bỉm Sơn, Vinh, Huế. Trong đó, Huế nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung sẽ có lợi thế trong phát triển.



2. Xây dựng cơ sở hạ tầng – GTVT:

Đang tạo ra sự thay đổi lớn trong phát triển KT-XH

- Nâng cấp quốc lộ 1, đường sắt Thống Nhất tăng trung chuyển cho bắc- nam
- Tuyến đường ngang 7, 8, 9 nối đồng bằng với miền núi.
- Đường Hồ Chí Minh hoàn thành sẽ thúc đẩy sự phát triển vùng phía tây.
- Các cửa khẩu được mở ra giúp giao thương với các nước láng giềng, Lào Bảo là cửa khẩu quốc tế quan trọng.
- Xây dựng cảng nước sâu (Nghi Sơn, Vũng Áng, Chân Mây)
- Các sân bay Phú Bài (Huế), Vinh (Nghệ An) được nâng cấp.